

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE
MASAN MEATLIFE
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/ No.: 39/2026/CV-MML

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, day 27 month 07 year 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE/ MASAN MEATLIFE CORPORATION**

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: **MML**
- Địa chỉ/*Address*: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ *10th Floor, Central Plaza Building, No. 17 Le Duan Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*
- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 028 6256 3862 Fax: 028 3827 4115
- Email: Ngadtt@mml.masangroup.vn
- Website: www.masanmeatlife.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất Quý II năm 2026 và Công văn giải trình biến động lợi nhuận/ *Separate and Consolidated Financial Statements for Quarter II of 2026 and the explanatory letter on profit fluctuations.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/07/2026 tại đường dẫn <https://masanmeatlife.com.vn/> *This information was published on the company's website on 27 July 2026, as in the link https://masanmeatlife.com.vn.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất Quý II năm 2026 và Công văn giải trình biến động lợi nhuận/ *Separate and Consolidated Financial Statements for Quarter II of 2026 and the explanatory letter on profit fluctuations.*

**Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information**



**ĐỖ THỊ THU NGÀ
Giám đốc Pháp lý/ Legal Director**

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính quý riêng cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 13 tháng 7 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thắng
Ông Nguyễn Anh Thi

Ông Nguyễn Quốc Trung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 24 tháng 4 năm 2026)
Thành viên
(đến ngày 24 tháng 4 năm 2026)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Thi
Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thắng
Ông Trần Phương Bắc

Trưởng ban
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại và trình bày lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 160)	100		1.430.506.215.358	424.191.490.271
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	51.139.891.872	55.611.010.032
Tiền	111		51.139.891.872	611.010.032
Các khoản tương đương tiền	112		-	55.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		376.061.512.946	213.779.608.904
Chứng khoán kinh doanh	121	10(a)	52.977.047.195	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(b)	323.084.465.751	213.779.608.904
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.002.802.691.882	153.932.255.286
Phải thu của khách hàng	131	7	107.245.253.483	142.534.397.237
Phải thu ngắn hạn khác	135	8	906.762.124.385	25.156.985.954
Dự phòng phải thu khó đòi	136	9	(11.204.685.986)	(13.759.127.905)
Tài sản ngắn hạn khác	160		502.118.658	868.616.049
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		502.118.658	868.616.049
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 270)	200		6.588.150.745.666	7.016.043.347.005
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.207.309.000	2.751.014.000
Phải thu dài hạn khác	215		3.207.309.000	2.751.014.000
Tài sản cố định	220		1.080.040.962	1.146.073.320
Tài sản cố định hữu hình	221		1.080.040.962	1.146.073.320
Nguyên giá	222		2.009.561.485	1.891.871.485
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(929.520.523)	(745.798.165)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		918.560.700	918.560.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(918.560.700)	(918.560.700)
Tài sản dở dang dài hạn	250		566.402.200	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		566.402.200	-
Đầu tư tài chính dài hạn	260		6.582.318.928.315	7.011.458.176.648
Đầu tư vào các công ty con	261	10(d)	5.229.774.300.000	5.229.828.300.000
Đầu tư vào công ty liên kết	262	10(e)	648.102.724.017	648.102.724.017
Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	10(d)	(1.331.307.095.706)	(1.017.024.025.456)
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	265	10(c)	2.035.749.000.004	2.150.551.178.087
Tài sản dài hạn khác	270		978.065.189	688.083.037
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		978.065.189	688.083.037
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		8.018.656.961.024	7.440.234.837.276

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN**

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại và trình bày lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.158.975.295.786	2.132.622.773.421
Nợ ngắn hạn	310		2.157.485.174.286	2.130.906.072.671
Phải trả người bán	311	11	16.004.160.758	14.963.633.966
Người mua trả tiền trước	312		215.920.842	293.374.649
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		700.205.100	700.205.100
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.851.438.397	5.487.874.937
Chi phí phải trả	316	13	88.641.723.576	111.702.236.958
Phải trả ngắn hạn khác	320	14	50.282.178.630	2.540.559.072
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	321	15	1.998.789.546.983	1.995.218.187.989
Nợ dài hạn	330		1.490.121.500	1.716.700.750
Dự phòng phải trả dài hạn	343		1.490.121.500	1.716.700.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 411 + 412 + 420)	400	16	5.859.681.665.238	5.307.612.063.855
Vốn cổ phần	411	17	3.403.168.580.000	3.403.168.580.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		3.403.168.580.000	3.403.168.580.000
Thặng dư vốn	412		2.137.052.965.149	2.137.052.965.149
Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế	420		319.460.120.089	(232.609.481.294)
- <i>Lỗ lũy kế đến cuối năm trước</i>	420a		(232.609.481.294)	(439.958.059.170)
- <i>Lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước</i>	420b		552.069.601.383	207.348.577.876
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.018.656.961.024	7.440.234.837.276

Ngày 27 tháng 7 năm 2026


Nguyễn Mạnh Quang
Người lập


Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng




Nguyễn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 1/4/2025 đến 30/6/2025 VND Phân loại lại	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND Phân loại lại
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	18	55.515.000.000	45.306.392.634	104.973.971.788	94.960.950.309
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		52.871.428.573	43.148.945.366	99.975.211.230	90.439.000.294
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		2.643.571.427	2.157.447.268	4.998.760.558	4.521.950.015
Doanh thu hoạt động tài chính	22	19	928.255.620.932	418.676.182.572	965.050.761.193	456.914.916.428
Chi phí tài chính	23	20	361.462.204.086	71.831.334.559	406.531.170.056	115.883.701.326
Trong đó: Chi phí đi vay	24		47.160.568.210	44.542.786.168	92.211.573.955	88.582.843.118
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.429.087.110	2.512.139.503	11.420.503.480	4.433.081.107
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (22 - 23) - 26}	30		568.007.901.163	346.490.155.778	552.097.848.215	341.120.084.010
Chi phí khác	32		28.246.832	-	28.246.832	-
Kết quả từ hoạt động khác (40 = - 32)	40		(28.246.832)	-	(28.246.832)	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		567.979.654.331	346.490.155.778	552.069.601.383	341.120.084.010
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		567.979.654.331	346.490.155.778	552.069.601.383	341.120.084.010

Ngày 27 tháng 7 năm 2026


Nguyễn Mạnh Quang
Người lập


Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng




Nguyễn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	552.069.601.383	341.120.084.010
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	183.722.358	167.888.470
Các khoản dự phòng	03	314.349.021.000	27.275.271.607
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(965.048.673.977)	(456.914.916.428)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	92.211.573.955	88.582.843.118
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(6.234.755.281)	231.170.777
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	39.381.542.389	(21.509.367.404)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(27.396.776.887)	(4.934.370.525)
Biến động chi phí chờ phân bổ	12	76.515.239	101.951.351
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(52.977.047.195)	-
		(47.150.521.735)	(26.110.615.801)
Tiền lãi vay đã trả	14	(86.453.935.453)	(86.453.935.453)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(133.604.457.188)	(112.564.551.254)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(684.092.200)	(53.710.000)
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(40.000.000.000)	(61.000.000.000)
Tiền thu hồi khoản cho vay và rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	118.642.650.000	122.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn	25	-	(240.000.000.000)
Tiền thu từ hoàn trả vốn góp từ một công ty con	26	54.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27	3.195.071.228	287.309.150.506
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	81.207.629.028	108.755.440.506
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền nhận được liên quan đến việc phát hành cổ phần	31	47.925.710.000	113.530.970.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	47.925.710.000	113.530.970.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(4.471.118.160)	109.721.859.252
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	55.611.010.032	11.908.040.032
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	51.139.891.872	121.629.899.284

Ngày 27 tháng 7 năm 2026



Nguyễn Mạnh Quang
Người lập



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Thi
Tổng Giám đốc

24
G T
PH
ASA
TL
HỒ

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 4 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2026: 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 10.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 199 nhân viên (1/1/2026: 203 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Tập đoàn và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(a));
- Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 4(c)(i));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c)(ii));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(d));
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(h));

4. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) (một phần của) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua. Các chi phí giao dịch nếu có được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi phát sinh trước ngày mua khoản đầu tư (phần lãi coupon nhận được trong kỳ nắm giữ) và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và phải thu về cho vay. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nhận lãi trước hoặc nhận lãi sau được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(iii) Đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm giá trị. Dự phòng giảm giá đầu tư không được lập khi Công ty đánh giá rằng không có khả năng mất vốn. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

	Tỷ lệ dự phòng
Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

24
G T
PHÂN
ASA
TL
HỒ

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(g) Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(h) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.



(j) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(k) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(n) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, lãi từ các khoản cho vay, thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được xác lập.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(o) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, và chi phí phát hành trái phiếu (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”), dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(p) Thuê hoạt động

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(r) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (“ESOP”) được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

3112
CÔNG
CỔ P
MA
MEAT
PHỐ

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở thực hiện các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng cùng kỳ của năm trước.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi ngân hàng	51.139.891.872	611.010.032
Các khoản tương đương tiền	-	55.000.000.000
	51.139.891.872	55.611.010.032

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

7. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
<i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	39.516.680.780	34.471.814.100
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	8.573.040.000	4.308.435.589
▪ Công ty Cổ phần Masan JinJu	7.778.160.000	15.275.826.703
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	6.015.600.000	16.500.149.441
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	13.205.804.156	16.138.995.991
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	7.549.200.000	8.952.468.534
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	6.759.720.000	17.527.456.896
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	6.642.000.000	15.522.305.710

Các khoản phải thu từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Phân phối lợi nhuận phải thu từ một công ty con	890.000.000.000	-
Phải thu khác từ các công ty con	14.993.801.026	23.751.799.679
Phải thu khác	1.768.323.359	1.405.186.275
	906.762.124.385	25.156.985.954

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
<i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	890.812.372.388	698.810.216
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	6.036.652.646	4.722.407.034
▪ Công ty Cổ phần Masan JinJu	1.327.888.413	3.829.382.562
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	1.011.410.868	3.683.121.195
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	3.775.129.371	4.781.401.418
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	1.221.498.342	3.002.847.188
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	530.280.732	1.905.463.703
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	278.568.266	1.128.366.363

9. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	13.759.127.905	14.402.070.781
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(2.554.441.919)	(473.942.876)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(169.000.000)
Số dư cuối kỳ	11.204.685.986	13.759.127.905

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2026			1/1/2026		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND
Chứng chỉ tiền gửi (**)	525.980	52.977.047.195	(*)	-	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý bằng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(**) Công ty đã mua các chứng chỉ tiền gửi này với mục đích nắm giữ chúng trong thời gian ngắn (dưới 12 tháng).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	-	72.642.650.000
Các khoản phải thu về cho vay (**)		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT – công ty con sở hữu trực tiếp	72.899.726.029	71.233.534.247
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn – công ty con sở hữu gián tiếp	250.184.739.722	69.903.424.657
	323.084.465.751	213.779.608.904

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

(**) Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay liên quan. Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan. Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Các khoản phải thu về cho vay			
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn – công ty con sở hữu gián tiếp	2027	-	181.229.178.083
▪ Công ty TNHH Zenith Investment – bên liên quan khác	2027	2.035.749.000.004	1.969.322.000.004
		2.035.749.000.004	2.150.551.178.087

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay liên quan. Lãi cho vay phải thu từ bên liên quan không có bảo đảm và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của hợp đồng cho vay liên quan.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****(d) Đầu tư vào các công ty con**

	30/6/2026		1/1/2026	
	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MEATDeli HN ("MHN") (*)	100,00%	2.766.000.000.000	100,00%	2.766.000.000.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu ("MSJ")	74,99%	985.000.000.000	74,99%	985.000.000.000
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An ("FNA")	100,00%	864.000.000.000	100,00%	864.000.000.000
Công ty Cổ phần 3F VIỆT ("3FV") (*)	51,00%	614.774.300.000	51,00%	614.774.300.000
Công ty TNHH MNS Meat ("MNM") (**)	-	-	99,99%	54.000.000
		<u>5.229.774.300.000</u>		<u>5.229.828.300.000</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các khoản đầu tư này được xác định là có sự suy giảm giá trị, do đó, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này với số tiền là 1.331.307 triệu VND (1/1/2026: 1.017.024 triệu VND). Dự phòng cho các khoản đầu tư này được xác định và trích lập theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(c).

(**) Tại ngày 13 tháng 1 năm 2026, MNM đã hoàn thành thủ tục giải thể.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Biến động của khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	1.017.024.025.456	856.973.638.307
Dự phòng trích lập trong kỳ	314.283.070.250	27.264.332.357
Số dư cuối kỳ	<u>1.331.307.095.706</u>	<u>884.237.970.664</u>

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động trong kỳ của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MHN VND	MSJ VND	FNA VND	3FV VND	MNM VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.766.000.000.000	985.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	54.000.000	5.229.828.300.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(54.000.000)	(54.000.000)
Số dư cuối kỳ	2.766.000.000.000	985.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	-	5.229.774.300.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(e) Đầu tư vào công ty liên kết

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/quyền biểu quyết
		Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Vissan")	20.180.026	24,94% 648.102.724.017

Vissan được thành lập tại Việt Nam và hoạt động chính của Vissan là sản xuất, bán buôn và bán lẻ thực phẩm.

Không có dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Không có biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	11.743.373.405	3.493.949.149
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	2.571.545.701	-
Công ty Cổ phần The CrownX	-	4.622.272.666
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	3.179.902.209
Các nhà cung cấp khác	1.689.241.652	3.667.509.942
	16.004.160.758	14.963.633.966

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	3.179.902.209
Các bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	11.743.373.405	3.493.949.149
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	2.571.545.701	-
▪ Công ty Cổ phần Mobicast	20.377.422	18.817.805
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	-	10.907.330
▪ Công ty Cổ phần The CrownX	-	4.622.272.666
▪ Công ty TNHH The Sherpa	-	384.045.107

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ/ Hoàn lại VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.226.948.700	8.353.123.645	(8.163.458.849)	(3.383.834.410)	1.032.779.086
Thuế thu nhập cá nhân	1.260.926.237	12.240.660.319	(10.627.065.458)	(1.055.861.787)	1.818.659.311
Thuế khác và các khoản phải nộp khác	-	1.020.468	(1.020.468)	-	-
	5.487.874.937	20.594.804.432	(18.791.544.775)	(4.439.696.197)	2.851.438.397

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

13. Chi phí phải trả

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí lãi vay	62.328.143.836	60.141.864.328
Thưởng thành tích và lương tháng 13	10.068.137.387	22.277.962.475
Chi phí phải trả khác	16.245.442.353	29.282.410.155
	88.641.723.576	111.702.236.958

14. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn cho nhân viên (*)	47.925.710.000	-
Phải trả khác	2.356.468.630	2.540.559.072
	50.282.178.630	2.540.559.072

- (*) Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn cho nhân viên theo Báo cáo kết quả phát hành ngày 24 tháng 6 năm 2026. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phê duyệt giao dịch phát hành cổ phiếu này, nhưng Công ty chưa nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (“Giấy CNĐKDN”) để ghi tăng vốn cổ phần trong báo cáo tình hình tài chính riêng. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty đã nhận được Giấy CNĐKDN để ghi tăng vốn cổ phần theo quy định.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. Trái phiếu phát hành

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trái phiếu thường phát hành	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(1.190.453.017)	(4.761.812.011)
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.998.789.546.983	1.995.218.187.989

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá		8,575% -			
▪ MMLB2126001	VND	9,1%	2026	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000

Trái phiếu số MMLB2126001 (không bao gồm chi phí phát hành) có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất cố định là 9,5%/năm trong năm đầu tiên và lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) của các ngân hàng được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Trái phiếu này không được đảm bảo.

Biến động trong kỳ của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	4.761.812.011	11.904.529.999
Phân bổ trong kỳ	(3.571.358.994)	(3.571.358.994)
Số dư cuối kỳ	1.190.453.017	8.333.171.005

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	3.290.525.930.000	2.137.102.965.149	(439.958.059.170)	4.987.670.835.979
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	112.642.650.000	(50.000.000)	-	112.592.650.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	207.348.577.876	207.348.577.876
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	3.403.168.580.000	2.137.052.965.149	(232.609.481.294)	5.307.612.063.855
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	552.069.601.383	552.069.601.383
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	3.403.168.580.000	2.137.052.965.149	319.460.120.089	5.859.681.665.238

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****17. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	340.316.858	3.403.168.580.000	340.316.858	3.403.168.580.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	340.316.858	3.403.168.580.000	340.316.858	3.403.168.580.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	340.316.858	3.403.168.580.000	340.316.858	3.403.168.580.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động của vốn cổ phần trong kỳ.

18. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ quản lý đã cung cấp chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND
Thu nhập lợi nhuận được chia từ một công ty con	890.000.000.000	380.000.000.000
Thu nhập lãi	75.048.673.977	76.914.916.428
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.087.216	-
	965.050.761.193	456.914.916.428

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****20. Chi phí tài chính**

	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu	88.640.214.961	85.011.484.124
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	314.283.070.250	27.264.332.357
Chi phí phát hành trái phiếu	3.571.358.994	3.571.358.994
Chi phí tài chính khác	36.525.851	36.525.851
	406.531.170.056	115.883.701.326

21. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Cung cấp dịch vụ	24.990.515.967	27.193.445.659
Góp vốn	-	240.000.000.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu		
Cung cấp dịch vụ	13.572.889.050	12.807.725.537
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An		
Cung cấp dịch vụ	12.504.998.963	8.675.830.371
Lợi nhuận được chia	890.000.000.000	380.000.000.000
Lợi nhuận được chia nhận được	-	240.000.000.000
Công ty Cổ phần 3F VIỆT		
Cung cấp dịch vụ	8.481.426.902	5.494.652.446
Thu nhập lãi cho vay	1.666.191.782	2.776.986.301
Lãi cho vay nhận được	-	10.279.452.053
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Cho vay	40.000.000.000	61.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	46.000.000.000	36.500.000.000
Thu nhập lãi cho vay	6.089.463.010	5.607.780.826
Lãi cho vay nhận được	1.037.326.028	34.900.425.220
Cung cấp dịch vụ	12.238.053.034	14.671.900.996

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT Cung cấp dịch vụ	6.820.665.506	4.792.977.227
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01 Cung cấp dịch vụ	13.628.814.062	11.036.552.088
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02 Cung cấp dịch vụ	12.736.608.304	10.287.865.985
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan Phí quản lý và công nghệ thông tin	13.071.694.386	11.577.936.928
Mua hàng hóa	13.062.961	11.849.998
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Masan Chia sẻ chi phí	2.381.060.834	-
Công ty Cổ phần Mobicast Mua dịch vụ	107.832.630	112.526.697
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce Mua hàng hóa	88.311.766	64.942.785
Công ty TNHH Zenith Investment Thu hồi khoản cho vay	-	86.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	66.427.000.000	67.287.000.000
Lãi cho vay nhận được	-	877.200.000
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage Mua hàng hóa	7.280.093	12.498.796
Thành viên quản lý chủ chốt (*) Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	5.382.071.537	3.696.502.000

Tại ngày và cho các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

- (*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty không nhận thù lao cho các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****22. Thông tin so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng Thông tư 99 và thay đổi và áp dụng phi hồi tố chính sách kế toán. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 và cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được phân loại lại và trình bày lại. Ngoài ra, một số số liệu thông tin so sánh khác cũng được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được trình bày lại/phân loại lại như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính riêng

	Mã số	1/1/2026 (phân loại lại và trình bày lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	213.779.608.904	72.642.650.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	139.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	25.156.985.954	27.293.944.858
Phải thu về cho vay dài hạn		-	2.012.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	215	2.751.014.000	141.302.192.087
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	265	2.150.551.178.087	-
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	700.205.100	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	2.540.559.072	3.240.764.172

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Mã số	Từ 1/4/2025 đến 30/6/2025 (phân loại lại và trình bày lại) VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 (phân loại lại và trình bày lại) VND	Từ 1/4/2025 đến 30/6/2025 (theo báo cáo trước đây) VND	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 (theo báo cáo trước đây) VND
Chi phí tài chính					
Trong đó: chi phí đi vay	24	44.542.786.168	88.582.843.118	42.757.106.671	85.011.484.124

Ngày 27 tháng 7 năm 2026

Nguyễn Mạnh Quang
Người lậpMã Hồng Kim
Kế toán trưởngNguyễn Anh Thi
Tổng Giám đốc